

BỘ LÂM NGHIỆP
Số: 134-QĐ/KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 1991

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy phạm kỹ thuật xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn
(QPN 13 - 91)

BỘ TRƯỞNG BỘ LÂM NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 196-HĐBT ngày 11/12/1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

Căn cứ Nghị định số 141-HĐBT ngày 24/8/1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành điều lệ về công tác tiêu chuẩn hoá;

Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng vụ Khoa học Kỹ thuật, Vụ Lâm sinh Công nghiệp rừng, Cục trưởng Cục Kiểm lâm nhân dân và Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy phạm Kỹ thuật xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn" áp dụng cho tất cả các loại rừng phòng hộ đầu nguồn trong cả nước. Quy phạm này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2:

UBND các tỉnh, thành phố, đặc khu chỉ đạo các Sở Nông- Lâm nghiệp và các đơn vị liên quan, các liên hiệp Lâm - Nông - Công nghiệp thực hiện đúng quy phạm này trong quá trình xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn.

Điều 3:

Các Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn quản lý và kiểm tra thực hiện quy phạm này.

QUY PHẠM

KỸ THUẬT XÂY DỰNG RỪNG PHÒNG HỘ ĐẦU NGUỒN (QPN 13-91)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 134-QĐ/KT ngày 4/4/1991

của Bộ Lâm nghiệp)

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1:

Quy phạm này quy định những tiêu chuẩn, nguyên tắc xác định khu phòng hộ, mức độ phòng hộ, các giải pháp kỹ thuật lâm sinh để xây dựng hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn có kết cấu kín rậm, nhiều tầng, bền vững và ổn định nhằm điều tiết nguồn nước, chống xói mòn bảo vệ đất.

Điều 2:

Quy phạm này áp dụng cho tất cả các khu phòng hộ đầu nguồn được ghi ở Điều 4a, 5a, 6 của quy chế quản lý sử dụng rừng phòng hộ do Bộ Lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 1174 ngày 30/12/1986.

Điều 3:

Quy phạm là cơ sở pháp lý về mặt kỹ thuật để xây dựng quy trình kỹ thuật cụ thể, luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật; hướng dẫn tổ chức thực hiện, nhằm xây dựng và quản lý phòng hộ đầu tư nguồn lưu vực sông, hồ.

CHƯƠNG II

PHẠM VI VÀ PHÂN CẤP PHÒNG HỘ

Điều 4:

Phạm vi khu phòng hộ đầu nguồn bao gồm toàn bộ đất và rừng dành cho việc sử dụng khả năng phòng hộ là chính, trên một phần hoặc toàn bộ diện tích gom nước được giới hạn từ đường phân huỷ đến chỗ tiếp giáp trung du và đồng bằng đối với sông và cửa đập đối với hồ.

Điều 5:

Khu phòng hộ đầu nguồn được chia thành ba cấp theo mức độ xung yếu về phòng hộ.

Cấp I: Gọi là xung yếu: Bao gồm những nơi đầu nguồn nước, gần bờ sông hồ, có nguy cơ xói mòn mạnh, có yêu cầu cao nhất về điều tiết nước: Có nhu cầu cấp bách nhất về phòng hộ được dành để xây dựng rừng chuyên phòng hộ, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng trên 70%.

Cấp II: Gọi là xung yếu: Bao gồm những nơi có mức độ xói mòn và điều tiết nguồn nước trung bình, có điều kiện kết hợp phát triển sản xuất lâm nghiệp, có yêu cầu về sử dụng bảo vệ đất cao, cần xây dựng rừng phòng hộ kết hợp sản xuất, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng tối thiểu 50%.

Cấp III: Gọi là ít xung yếu: Bao gồm những nơi có mức độ xói mòn thấp, có khả năng và nhu cầu phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; có yêu cầu về sử dụng và bảo vệ đất hợp lý. Cần xây dựng rừng sản xuất kết hợp phòng hộ nông lâm kết hợp; đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng tối thiểu 30%.

Các cấp xung yếu này tương ứng với các vùng rất xung yếu, xung yếu và ít xung yếu của khu phòng hộ đầu nguồn.

Điều 6:

Mức độ xung yếu về phòng hộ được xác định theo các nhân tố: độ cao tương đối, độ dốc, chiều dài dốc, cự ly xa bờ sông, hồ; độ dày tầng đất, thành phần cơ giới, lượng mưa, cường độ mưa.

Mỗi nhân tố trên được phân chia theo 3 mức độ tác hại rất nguy hiểm, nguy hiểm, ít nguy hiểm đến phòng hộ.

Tuỳ điều kiện cụ thể từng khu vực, cần lựa chọn những nhân tố tác động chủ yếu đến dòng chảy, xói mòn để phân chia cấp phòng hộ bằng cách cho điểm hoặc chồng ghép bản đồ.

Điều 7:

Phương pháp cho điểm hoặc chồng ghép bản đồ để phân cấp phòng hộ dựa theo các nguyên tắc sau:

a. Phương pháp cho điểm:

Cho điểm từng nhân tố tăng dần theo mức độ tác hại đến dòng chảy, xói mòn: rất nguy hiểm, nguy hiểm, ít nguy hiểm. Tỷ trọng điểm giữa các nhân tố thay đổi tuỳ theo mức độ tác hại của từng nhân tố. Dựa vào tổng số điểm từ nhiều đến ít để phân định các cấp xung yếu về phòng hộ.

b. Phương pháp chồng ghép bản đồ:

Sử dụng bản đồ về mức độ tác hại của các nhân tố đến dòng chảy, xói mòn: rất nguy hiểm, nguy hiểm, ít nguy hiểm có cùng tỷ lệ thích hợp để chồng ghép lên nhau và khoanh vẽ ranh giới cấp xung yếu trên bản đồ.

Phương pháp này cho điểm và chồng ghép bản đồ cụ thể, xem hướng dẫn kèm theo quy phạm này.

CHƯƠNG III
XÂY DỰNG RỪNG PHÒNG HỘ ĐẦU NGUỒN VÙNG
RẤT XUNG YẾU

Điều 8:

Rừng phòng hộ đầu nguồn vùng rất xung yếu (vùng I) là hệ thống rừng chuyên phòng hộ được ưu tiên xây dựng và quản lý chặt chẽ, nhằm điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt, cung cấp nước cho dòng chảy sông, hồ trong mùa khô; hạn chế xói mòn, bảo vệ đất; hạn chế bồi lấp lòng sông, hồ.

Rừng chuyên phòng hộ tối ưu có kết cấu hỗn loài, nhiều tầng, kín rậm, bền vững và ổn định; có độ tàn che trên 0,6; có lớp thảm tươi và thảm mục che phủ mặt đất; có tỷ lệ che phủ rừng trên 70% và phân bố đều trên toàn vùng.

Điều 9:

Khoanh nuôi bảo vệ để phục hồi tự nhiên áp dụng cho các trạng thái thảm thực vật từ trạng thái cây bụi hoặc cây gỗ rải rác (Ib) đến trạng thái rừng thành thực chưa khai thác (IV) và rừng tre nứa theo phân chia trạng thái thảm thực vật.

Giải pháp kỹ thuật là: Triệt để tận dụng khả năng tái sinh và diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng thông qua những biện pháp ngăn chặn phá hoại của lửa rừng, sâu bệnh gia súc và chặt phá của con người.

Phải có thiết kế khoanh nuôi được phê duyệt, xác định rõ ranh giới tiêu khu, khoảnh, lô: lập hồ sơ quản lý; xây dựng và tổ chức quản lý bảo vệ rừng.

Điều 10